

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 54 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH TRONG
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; SỞ HỮU TRÍ TUỆ; TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN;
VIỄN THÔNG VÀ INTERNET; TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Quyết định số: 675/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
I	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ (04 TTHC)						
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ 1.014445.H21	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 13 ngày 1. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 12 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày.	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
2	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ 1.014446.H21	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 8 ngày 1. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày.	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
3	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước 1.014444.H21	28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 26 ngày 1. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 25 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày.	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	
4	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư 1.013944.H21	06 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 4,5 ngày 1. Lãnh đạo Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 11/02/2026	
		Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ						
		12 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 10,5 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc	0,75 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 9,5 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc			
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (09 TTHC)						
1	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp 1.013955.H21	10,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 8,75 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
2	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp 1.013956.H21	11,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 9,75 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 8,75 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
3	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở	10,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 8,75 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	hữu công nghiệp 1.013958.H21			1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày			số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
4	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp 1.013959.H21	11,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 9,75 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 8,75 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
5	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp 1.013963.H21	11,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 9,75 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 8,75 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
6	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và	30 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 28 ngày	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	cấp lại văn bằng bảo hộ/ phó bản văn bằng bảo hộ 1.013966.H21			1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 27 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày			số 359/QĐ- UBND ngày 27/01/2026
7	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp 1.013968.H21	25,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 23,75 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 22,75 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ- UBND ngày 27/01/2026
8	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp 1.013970.H21	15 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 13,5 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 12,5 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ- UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
9	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp 1.013972.H21	15 ngày	0,5 ngày	Phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ: 13 ngày 1. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 12 ngày 3. Lãnh đạo phòng Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thông qua kết quả: 0,5 ngày	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
III	Lĩnh vực Tàn số vô tuyến điện (16 TTHC)						
1	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá 2.002777.H21	6,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
2	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá 2.002778.H21	5,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 4,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 2,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
3	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá 2.002775.H21	5,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 4,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 2,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.			
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá 2.002779.H21	06 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 05 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,5 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
5	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	6,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	2.002781.H21			2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viển thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viển thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.			
6	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư 2.002782.H21	4,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viển thông: 3,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viển thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viển thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viển thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
7	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư 2.002776.H21	4,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 3,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư 2.002787.H21	5,75 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 4,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,25 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.			
9	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu hoạt động tuyến quốc tế 2.002783.H21	6,75 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 5,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 4,25 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
10	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	5,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 4,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	2.002784.H21			2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 2,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.			
11	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) 2.002785.H21	5,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 4,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 2,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) 2.002786.H21	6,5 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 5,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 04 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
13	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ 2.002788.H21	10 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 8,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 6,5 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày.	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.			
14	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ 2.002789.H21	8,75 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 7,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 5,25 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
15	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	5,75 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 4,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày.	0,5 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	2.002780.H21			2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,25 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,25 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày.			
16	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ 2.002790.H21	10,25 ngày	0,25 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 8,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 01 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 6,75 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
IV	Lĩnh vực Viễn thông và Internet (05 TTHC)						

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
1	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông	Không quy định	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông: 0,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bưu chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên thực hiện theo dõi, lưu Thông báo, xử lý hồ sơ và kết thúc hồ sơ: 0,25 ngày làm việc	-	-	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. 1.013885.H21						
2	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp	Không quy định	0,25 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 0,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,25 ngày ngày làm việc; 2. Chuyên viên thực hiện theo dõi, lưu Thông báo, xử lý hồ sơ và kết thúc hồ sơ: 0,25 ngày làm việc	-	-	Quyết định Số 359/QĐ- UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn						

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	bộ các dịch vụ viễn thông. 1.013888.H21						
3	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	21,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 19,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 17,25 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 01 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 01 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	1.013819.H21						
4	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).	21,25 ngày	0,5 ngày	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 19,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 17,25 ngày. 3. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông thông qua văn bản: 01 ngày. 4. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 01 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
	1.013877.H21						
5	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	03 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông: 2,5 ngày làm việc, cụ thể:	-	-	Quyết định số 354/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị. 1.013897.H21			1. Lãnh đạo phòng Chuyển đổi số và Bru chính, Viễn thông phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên thực hiện theo dõi, lưu Thông báo, thông báo cho UBND tỉnh đăng công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh; đồng thời thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để phối hợp trong công tác quản lý xử lý hồ sơ và kết thúc hồ sơ: 2,25 ngày làm việc.			
V	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (20 TTHC)						
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý 3.000461.H21	6,25 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 4,75 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,25 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.			
2	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý 3.000462.H21	5,75 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 4,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 2,75 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
3	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý 3.000464.H21	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 2,5 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,75 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày làm việc.			
4	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công	6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 4,75 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,25 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	01 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
	nghe các tỉnh, thành phố tổ chức) 3.000474.H21							
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn 3.000475.H21	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chỉ cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
				3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
6	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
	3.000476.H21							

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
				2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
7	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập 3.000477.H21	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể:	0,5 ngày	0,5 ngày		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.			
8	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập 3.000478.H21	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế					Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế					

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	
9	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế					Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
	cho tổ chức chứng nhận. 3.000479.H21			4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
10	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
	với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận. 3.000480.H21			3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
11	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc 3.000481.H21			2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 01 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.			
12	Thủ tục cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận 3.000482.H21	6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ- UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
				4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
13	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. 3.000483.H21	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
				3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
14	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. 3.000484.H21	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, không thực hiện đánh giá thực tế						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, có thực hiện đánh giá thực tế						
		10,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 9,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 7,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.			
15	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay	03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 01 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
	đổi tên, địa chỉ liên lạc 3.000485.H21						
16	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo. 3.000486.H21	6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
17	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo. 3.000487.H21	6,75 ngày	0,5 ngày	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày.	0,5 ngày	0,5 ngày	Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
				3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng trình thông qua văn bản: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày.				
18	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường 3.000488.H21	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định						Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		4,785 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 3,285 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,785 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường trình thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc		
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định						
		07 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,5 ngày làm việc, cụ thể:	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc		

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				1. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 04 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường trình thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.			
19	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường 3.000472.H21	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định					Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		4,785 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 3,285 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,785 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường trình thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)	
				4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.			
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định					
		6,75 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 5,25 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 3,75 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường trình thông qua văn bản: 0,5 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
20	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định					Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
		03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường phân công thụ lý: 0,25 ngày ngày làm việc;	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	
			(3A) Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Cơ quan/Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường)		
3.000473.H21				2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,25 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường trình thông qua văn bản: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày làm việc.				
		Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định						
		03 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 02 ngày làm việc, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường phân công thụ lý: 0,25 ngày ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết hồ sơ: 1,25 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Quản lý Đo lường trình thông qua văn bản: 0,25 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục trình duyệt văn bản, chuyển lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ: 0,25 ngày làm việc.	0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng: 54 TTHC								